

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2020/HSST

Ngày 23/7/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn X Phương

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Phạm Thị Trinh.

- Ông Nguyễn Văn Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 190/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 46 ngày 29/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 50 ngày 09/7/2020, đối với bị cáo:

Phạm Thái B, sinh năm 1974, tại Hà Nội. ĐKKHKT và chỗ ở: Số 39, ngõ 1395 đường G, phường H, quận H, Hà Nội; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức Bằng (đã chết) và bà Dương Thị Lượng, sinh năm 1940; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai; Họ tên vợ: Nguyễn Thị Hạnh, sinh năm 1984, có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án: Có 01 tiền án, tiền sự: Có 02 tiền sự; danh chỉ bản số 380 do Công an quận H lập ngày 27/3/2020;

- Bản án số 325 ngày 30/6/1997, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. (án đã xóa).

- Năm 1999 đi cai nghiện 6 tháng (đã hết thời hiệu)

- Năm 2013 đi cai nghiện 24 tháng (đã hết thời hiệu).

Hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt.

*** Bị hại:** Chị **Lê Thị X**, sinh năm 1973. Vắng mặt.

HKTT: Thôn Lại Hoàng, xã Yên Thường, huyện G, Hà Nội.

Chỗ ở: Khu 10, Đại Phúc, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1995. Vắng mặt.

HKTT: Xóm Dê, xã B, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa B.

Chỗ ở: Số 133A phố Đ, phường Đ, quận H, Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Viện kiểm sát nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội truy tố:

Khoảng 19h30 ngày 16/11/2019, tại trước Cổng C5 bến xe Nước Ngầm, phường H, quận H, Hà Nội, chị Lê Thị X cùng gia đình đi xe ô tô BKS: 30F-381.34 dừng đỗ để lực lượng CSGT kiểm tra vi phạm. Khi xuống xe, chị X để 01 chiếc túi xách màu đỏ ở ghế sau bên phải. vào cùng thời điểm trên Phạm Thái B đi bộ đến gần chiếc xe, thấy phía sau bên phải xe ô tô mở hé, lợi dụng sơ hở không có ai để ý, B đến gần dùng tay phải mở cửa xe, dùng tay trái lấy chiếc túi xách và đi về Bến xe Giáp bát, trên đường đi B lục túi xách thấy bên trong có 01 điện thoại di động màu xanh, 01 phong bì bên trong có 500.000đ 02 tờ tiền ngoại tệ, 01 chùm chìa khóa cùng 01 sổ giấy tờ cá nhân. Trong lúc kiểm tra làm rơi 01 chiếc chìa khóa xe máy, sau đó B mang túi về nhà cất. Đến sáng ngày 17/11/2019, B cầm theo túi xách đi xe ôm đi từ nhà ra cửa hàng mua bán điện thoại cũ 133A, phường Đ, quận H, Hà Nội. B bán chiếc điện thoại xiaomi redmi 7 màu xanh đã trộm cắp được cho anh Nguyễn Công T với giá 750.000đ. Sau khi thanh toán tiền, B cầm túi đi về nhà, do túi không khóa nên giấy tờ bị rơi dọc đường. Khi về đến nhà B kiểm tra lại túi xách thì không còn giấy tờ. Ngày 25/11/2019 B nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nên B đã ra cơ quan CAP H đầu thú.

Tại Cơ quan Công an Phạm Thái B khai nhận như trên, số tiền 500.000đ trong túi và 750.000đ do bán điện thoại có được B đã tiêu xài hết.

Phạm Thái B giao nộp: 01 túi xách màu đỏ; 02 tờ tiền nhân dân tệ 100 Yuan; 06 chiếc chìa khóa.

Theo Kết luận định giá tài sản số 239/HĐĐG ngày 12/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận H kết luận:

- 01 túi xách giả da màu đỏ có quai đeo chéo kích thước 25x30 cm đã qua sử dụng có giá trị 50.000 đồng.

- 01 điện thoại Xiaomi redmi 7 màu xanh, đã qua sử dụng có giá trị 850.000 đồng.

- Tỷ giá đồng nhân dân tệ ngày 15/11/2019 là 3,275đ (Theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Viettin Bank). Giá trị của 02 tờ tiền nhân dân tệ 100 Yuan là 655.000đ (sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Tổng tài sản bị lấy trộm của chị X là: 2.055.000đ (hai triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng)

Bị hại Chị Lê Thị X khai báo số tài sản trong túi xách bị trộm gồm: 01 phong bì có 500.000đ, 01 điện thoại xiaomi redmi 7 màu xanh, 02 tờ tiền nhân dân tệ 100 Yuan, 07 chiếc chìa khóa, một số giấy tờ tùy thân, 01 ví da cầm tay có hơn 9.000.000đ. Chị X khai nhận số tiền khoảng 9.000.000đ trong túi là do Trần Trọng Huân (SN: 1972, Chỗ ở: 297 số nhà 2 Trần Hưng Đạo – Tp Bắc Ninh – Bắc Ninh) trả tiền thuê nhà cho chị X vào ngày 10/11/2019,

Đã tiến hành việc đối chất giữa chị Lê Thị X và Phạm Thái B về lời khai mâu thuẫn về việc 01 ví da cầm tay có khoảng 9.000.000đ ở trong túi xách. Hai bên giữ nguyên lời khai ban đầu.

Sau đó ngày 20/4/2020, Chị X khai khoảng giữa tháng 3/2020, có một người phụ nữ tên Thủy (không rõ lai lịch) liên hệ với chị X đã nhặt được cái ví có chứng minh thư của chị X. Chị X đã liên hệ với chị Thủy, lấy lại ví và chứng minh thư của chị X. Sau đó do chiếc ví đã cũ nên chị X đã vứt đi. Chị X không biết chị Thủy ở đâu, Không xác minh được nhân thân lai lịch của chị Thủy nên không có căn cứ làm rõ hành vi có liên quan của chị Thủy. Đồng thời không đủ cơ sở để kết luận Phạm Thái B đã lấy trộm chiếc ví bên trong có khoảng 9 triệu đồng của chị Lê Thị X. Cơ quan điều tra đã trao trả lại toàn bộ tài sản thu giữ được cho chị X, chị X đã nhận lại và không có yêu cầu gì.

Phạm Thái B đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho chị X. Chị X không có đề nghị gì khác, chị X có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho B.

Đối với Nguyễn Công T chủ cửa hàng điện thoại 133A, Hà Nội mua điện thoại của B, sau đó tuần đã bán cho người không quen biết số tiền 850.000đ, Tuấn không biết tài sản do trộm cắp mà có nên cơ quan Công an không xử lý.

Tại bản cáo trạng số 194/CT-VKS ngày 03/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận H đã truy tố bị cáo Phạm Thái B về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên nắm quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Thái B như bản cáo trạng. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Thái B từ 10 tháng đến 14 tháng tù. Miễn phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Lê Thị X đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự. Nên không xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Công T không biết chiếc điện thoại mua của B là tài sản do trộm cắp mà có nên không xử lý. Anh Tuấn không yêu cầu về phần bồi thường dân sự. Nên không xét. Đối với số tiền 100.000 đồng anh Tuấn hưởng lợi bất hợp pháp cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[3] Phần tranh luận tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận Kiểm sát viên luận tội đối với hành vi phạm tội của mình là đúng người đúng tội, đúng pháp luật, nên không có tranh luận với Kiểm sát viên.

[4] Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét về hành vi vi phạm bị truy tố:

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thái B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng đã nêu. Xét lời khai của bị cáo là thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu được của vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19h30 ngày 16/11/2019, tại trước cổng C5 bến xe Nước Ngầm, phường H, quận H, Hà Nội bị cáo Phạm Thái B đã lợi dụng vào thời điểm chủ tài sản là chị Lê Thị X đang dừng, đỗ xe ô tô BKS: 30F-381.34 không khóa cửa xe để làm việc với CSGT; bị cáo đi bộ đến gần chiếc xe, thấy cửa phía sau bên phải xe ô tô mở hé, lợi dụng sơ hở không có ai để ý, bị cáo dùng tay phải mở cửa xe, dùng tay trái lấy chiếc túi xách để trong ô tô là tài sản của chị X và đi về Bến xe Giáp Bát, trên đường đi bị cáo lục túi xách thấy bên trong có 01 điện thoại di

động màu xanh, 01 phong bì bên trong có 500.000đ, 02 tờ tiền nhân dân tệ loại 100 Yuan, 01 chùm chìa khóa cùng 01 số giấy tờ cá nhân. Với tổng trị giá tài sản là 2.055.000đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Thái B đã đủ yếu tố cấu thành “Tội trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn trên là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thái B là nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo là tội phạm ít nghiêm trọng, tài sản bị cáo chiếm đoạt là không lớn, có giá trị 2.055.000 đồng. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản, mục đích để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người nghiện ma túy, có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích) và 02 tiền sự đã hết thời hiệu, tuy không coi đây là tình tiết tăng nặng nhưng bị cáo là người có nhân thân xấu. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự và áp dụng mức hình phạt tù tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo; như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo là người ra đầu thú; Bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, bị hại cũng có đơn miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Vì vậy bị cáo được áp dụng điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Hội đồng xét xử, xét bị cáo không có thu nhập hoặc tài sản riêng, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự.

[4]. Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 100.000 đồng mà anh T mua chiếc điện thoại do B bán cho anh, sau đó anh T bán cho người khác được hưởng lợi, đây là số tiền anh T hưởng lợi bất hợp pháp. Do vậy HĐXX xét cần phải tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[5]. Các vấn đề khác:

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Lê Thị X đã nhận lại tài sản và đã được bồi thường, chị X cũng đã có đơn không có yêu cầu bồi thường, nên HĐXX không xét.

* Về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đối với anh Nguyễn Công T không biết chiếc điện thoại bị cáo bán cho anh là tài sản do trộm cắp mà có, nên cơ quan điều tra không xử lý là có cơ sở.

[6] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 89; 135, 136, 331, 333, 336, 337 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 23 và Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thái B** 08 (Tám) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

1. Về trách nhiệm dân sự: Không xét.

2. Biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 100.000 đồng theo giấy nộp tiền vào tài khoản Chi cục thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội ngày 29/5/2020.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND quận H;
- Công an quận H;
- Chi cục thi hành án dân sự quận H;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn X Phương